TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST
Ngày: 03/8/2022
"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp họ, hụi, biêu, phường".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông LÊ VĂN THẮNG.

2. Bà ĐINH THỊ PHÚC.

- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà***: Bà TRỊNH THANH VÂN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ***: Bà Bùi Thị Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp nợ huê" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 và thông báo về việc dời thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 12/2022/TB-TA ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Phạm H,** sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2.Bị đơn: Ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1976.

Bà **Nguyễn T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà T hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H có mặt; bà T, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

/ Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn bà Phạm H trình bày:

Vào ngày 20/02/2020 âm lịch bà có cho vợ chồng bà Nguyễn T, ông Đỗ Văn H vay số tiền 100.000.000đồng, khi vay vợ chồng bà T, ông H viết giấy mượn tiền, lãi suất do hai bên thỏa thuận, thời hạn trả nợ là khi nào bà cần tiền thì bà sẽ báo trước thì vợ chồng bà T, ông H sẽ trả cả gốc và lãi cho bà. Đồng thời cũng vào thời gian này để giúp nhau làm ăn, bà có cầm cái chơi huê (hụi) thì bà T có chơi 02 phần huê (hụi). Bà T đã hốt hết 02 phần huê về chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Số tiền bà T phải đóng hai phần huê (hụi) chết còn lại cho bà là 42.000.000đồng. Tuy nhiên bà T không đóng cho bà. Hiện tại tổng cộng hai khoản bà T và ông H còn nợ của bà là 142.000.000đồng.

Hiện tại bà T đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông H có nghĩa vụ trả cho bà 100.000.000đồng tiền nợ vay và 42.000.000đồng tiền nợ huê (hụi), tổng cộng là 142.000.000đồng. Bà không yêu cầu bà T, ông H trả tiền lãi suất.

/ Bị đơn bà Nguyễn T trình bày:

Bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vay 100.000.000đồng và 42.000.000đồng nợ huê (hụi). Tổng cộng 142.000.000đồng thì bà có ý kiến như sau: Đối với tiền nợ là 100.000.000đồng, khi bà vay tiền của bà H thì bà là người trực tiếp viết giấy mượn tiền và ký giấy mượn tiền vào ngày 20/2/2020 âm lịch. Trong giấy này có ghi chồng là Đỗ Văn H là do bà tự viết và ký tên của ông H chồng bà. Nhưng thực tế chồng bà (ông H) không biết việc vay mượn này và không liên quan. Bà vay số tiền này về để bù đắp cho những dây huê mà mọi người hốt rồi không đóng cho bà. Do vậy đây là nợ riêng của bà nên ông H không liên quan. Số tiền này bà tự vay nên bà phải tự trả. Nay bà đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ vay là 100.000.000đồng và 42.000.000đồng tiền nợ huê. Việc chơi huê với bà H cũng do một mình bà chơi, không liên quan đến ông H.

/ Bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Nay bà Phạm H khởi kiện vợ chồng ông có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay 100.000.000đồng và tiền huê (hụi) là 42.000.000đồng. Tổng cộng là 142.000.000đồng thì ông không đồng ý vì: Việc vợ ông (bà T) chơi huê và vay tiền của bà H như thế nào thì ông không hề hay biết. Trong quá trình bà T chơi huê và vay tiền của bà H thì bà T không hề nói với ông, đến khi bà T bị bể nợ, bà H đến đòi nợ thì ông mới biết. Ông khẳng định ông không vay tiền của bà H và không ký vào giấy mượn tiền của bà H. Việc vay tiền và viết giấy, ký giấy vay tiền tên ông là do (bà T) tự làm không liên quan đến ông. Bà T vay tiền, chơi huê lấy tiền không đưa về chi tiêu trong gia đình mà cứ vay chỗ này đập

vào chỗ khác và dấu ông hoàn toàn. Tất cả số nợ này là nợ riêng của bà T nên bà T phải có trách nhiệm trả cho bà H, ông không có trách nhiệm trả nợ cho bà H.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu ông H có trách nhiệm trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu bà T phải có trách nhiệm trả cho bà toàn bộ số nợ 142.000.000đồng (trong đó tiền vay 100.000.000đồng và tiền huê là 42.000.000đồng), bà không yêu cầu bà T trả tiền lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn T có nghĩa vụ trả cho bà H số vay là tiền vay 100.000.000đồng và tiền huê là 42.000.000đồng. Tổng cộng là 142.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà H khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là tiền vay 100.000.000đồng và tiền huê (hụi) là 42.000.000đồng. Tổng cộng là 142.000.000đồng. Hiện bà T có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Đ, Lâm Đồng. Theo khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp họ, hụi, biêu, phường", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Đ.

Bị đơn bà T và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T và ông H.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét giấy mượn tiền có nội dung thể hiện: "*... Giấy mượn tiền, tôi tên là Nguyễn T, sinh năm 1981, cùng chồng: Đỗ Văn H, sinh năm 1976… Ngày 20/2/2020 Âm lịch, vợ chồng tôi có mượn của chị H số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng đồng chẵn), lãi suất hai bên đã thỏa thuận, khi nào chị H cần lấy lại cả vốn, vợ chồng tôi sẽ hoàn trả đủ số*

tiền trên… Giấy viết và mượn tiền đủ cả 2 vợ chồng, chồng Đỗ Văn H, Nguyễn T ký tên”. Giấy *“Huê 3.000.000 ba triệu, H cầm cái…ngày 15.9.AL 2019 H đã chồng đủ số tiền như trên cho T… ngày 15/9/2019 Âm lịch T đã nhận đủ số tiền trên”*. Bà H trình bày khi vay tiền chỉ một mình bà T đến vay nhận tiền, viết giấy xong bà T nói bà mang về nhà cho ông H chồng bà ký vào giấy mượn tiền. Do tin tưởng nên bà H đồng ý, thực chất ông H không ký vào giấy mượn tiền trước mặt bà H. Bà T cho rằng bà viết giấy mượn tiền và tự ký chữ của chồng bà là Đỗ Văn H chứ ông H không biết khoản vay này. Một mình bà chơi huê với bà H, chồng bà không biết và không liên quan. Ông H không thừa nhận có vay tiền và chơi huê với bà H, ông không hề biết gì việc vay nợ và chơi huê này nên ông không đồng ý có trách nhiệm có nghĩa vụ trả nợ cho bà H. Giấy mượn tiền và giấy xác nhận chơi huê đều có chữ ký xác nhận của bà T. Đây là những tình tiết các bên thừa nhận và không phải chứng minh. Tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà không yêu cầu ông H có nghĩa vụ cùng bà T trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ 142.000.000đồng cho bà, bà không yêu cầu bà T trả tiền lãi suất.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền số tiền vay 100.000.000đồng và tiền huê (hụi) là 42.000.000đồng. Tổng cộng là 142.000.000đồng là phù hợp, có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 7.100.000đồng.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 228, 264, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm H. Buộc bị đơn bà Nguyễn T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm H số tiền nợ gốc 100.000.000đồng và tiền nợ huê (hụi) là 42.000.000đồng. Tổng cộng là 142.000.000đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Đối với khoản tiền phải thi hành án nói trên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn T phải nộp 7.100.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm H 3.555.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007458 ngày 28/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà T, ông H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án để xin Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện, tỉnh;
- THA DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐẶNG THỊ THANH HƯƠNG